

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàn Thiện và Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kiều Mỹ T, sinh năm 1978; Cư trú tại: Thôn MP1, xã AH, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Bảo P, sinh năm 1978; Cư trú tại: Thôn QH, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/4/2021, ngày 21/6/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Bảo P kết hôn vào năm 2020, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Bà T và ông P không tổ chức lễ hỏi, cưới theo truyền thống vì dịch bệnh Covid-19. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung phía nhà bà T, khoảng 4-5 tháng sau thì nhiều người tìm đến nhà cha mẹ bà T đòi nợ, bà T có trao đổi với ông P thì ông P nói nợ cá nhân của ông, ông hứa sẽ cố gắng tự làm tự trả, không ảnh hưởng gì đến bà T và gia đình của bà T. Đến cuối năm 2020 thì tiếp tục có một số người đến

nhà cha mẹ bà T đòi nợ, hai bên xui gia có trao đổi với nhau nhưng không thành nên ông P không về nhà bà T ở, vợ chồng không sống chung với nhau từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì nhau. Nay bà T không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn.

Vợ chồng bà T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không nợ ai.

Tòa án nhân dân huyện PH đã triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Bảo P vắng mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2022, ông Trần Bảo P trình bày thống nhất ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Trần Bảo P, không có con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và nguyên đơn chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành hành đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định. Tuy nhiên ngày 03/01/2022 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Ngô Thị Kiều Mỹ T được ly hôn với ông Trần Bảo P; đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đề ngày 03/01/2022). Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kiều Mỹ T và ông Trần Bảo P kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TA, tỉnh Phú

Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 28/5/2020, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều Mỹ T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Bảo P vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung và không còn quan tâm nhau. Trong đơn đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có nguyện vọng đồng thuận ly hôn theo nguyện vọng của bà T. HĐXX thấy: Cuộc sống hôn nhân bà T và ông P chỉ diễn ra thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành và vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống, ông P đồng thuận tình ly hôn, xét thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Ngô Thị Kiều Mỹ T được ly hôn với ông Trần Bảo P.

[3] Về con chung: Bà T và ông P không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Ngô Thị Kiều Mỹ T được ly hôn với ông Trần Bảo P.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0004157 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND H. PH (02);
- CC THADS H. PH (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã AH (01);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật